

Số: 2815/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 18 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp kinh phí cho các địa phương để hỗ trợ tổ chức Đại hội
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nhiệm kỳ 2019-2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 450/TTr-STC ngày 12/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp cho các địa phương, tổng số tiền: 6.100.000.000 đồng (*Sáu tỷ, một trăm triệu đồng*), từ nguồn Quản lý hành chính chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2018, để hỗ trợ tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nhiệm kỳ 2019-2024 (mức hỗ trợ: 25 triệu/1 đơn vị cấp xã), như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả; thanh, quyết toán theo quy định.

Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn các địa phương thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, NC, KTTH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Đình Tùng

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 2815 /QĐ-UBND ngày 18 /9 /2018 của UBND tỉnh)

STT	UBND huyện, thị xã, thành phố	Số lượng xã, phường, thị trấn	Kinh phí phân bổ (triệu đồng)
1	Phú Ninh	11	275
2	Tam Kỳ	13	325
3	Hội An	13	325
4	Quế Sơn	14	350
5	Bắc Trà My	13	325
6	Nam Trà My	10	250
7	Nông Sơn	7	175
8	Đại Lộc	18	450
9	Điện Bàn	20	500
10	Núi Thành	17	425
11	Hiệp Đức	12	300
12	Tiên Phước	15	375
13	Duy Xuyên	14	350
14	Thăng Bình	22	550
15	Nam Giang	12	300
16	Đông Giang	11	275
17	Tây Giang	10	250
18	Phước Sơn	12	300
	Tổng cộng	244	6.100